

Số: 88 /2020/VSC

Hải Phòng, ngày 26 tháng 08 năm 2020

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính riêng** như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	19,308,995,665	97,009,895,843	77,700,900,178	80

Nguyên nhân chủ yếu:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp cảng Viconship được chuyển giao sang Công ty TNHH MTV dịch vụ cảng xanh từ đầu năm 2020, do vậy Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2020 của VSC không còn khoản doanh thu và lợi nhuận từ Xí nghiệp cảng Viconship.
- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên đã phải hoãn lại, dẫn tới việc Công ty mẹ chưa ghi nhận được khoản cổ tức từ các Công ty con.

Trên đây là các nguyên nhân chính làm lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 trên Báo cáo tài chính riêng giảm 77.700.900.178 đồng, tương ứng với giảm 80% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tiến



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp

Số 0200453688

ngày 11 tháng 7 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 11 tháng 7 năm 2019.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Duy	Thành viên (từ ngày 19/6/2020)
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên (từ ngày 19/6/2020)
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên (từ ngày 19/6/2020)
Bà Đặng Trần Gia Thoại	Thành viên (từ ngày 19/6/2020)
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên (đến ngày 18/6/2020)
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên (đến ngày 18/6/2020)
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên (đến ngày 18/6/2020)
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên (đến ngày 18/6/2020)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng (đến ngày 30/6/2020)
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00193-20-1



Wang Loan Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2020



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		369.460.173.905	420.288.093.958
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	199.330.263.712	183.968.394.573
Tiền	111		43.511.421.670	100.522.622.192
Các khoản tương đương tiền	112		155.818.842.042	83.445.772.381
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15(a)	1.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.122.455.205	215.957.868.264
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	26.048.408.135	68.319.768.482
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		103.337.117	552.493.695
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	61.050.047.286	55.845.368.923
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	70.238.991.188	91.558.565.685
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(318.328.521)	(318.328.521)
Hàng tồn kho	140	12	1.267.286.818	7.724.368.568
Hàng tồn kho	141		1.267.286.818	7.724.368.568
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.740.168.170	12.637.462.553
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(a)	10.740.168.170	12.637.462.553

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.063.984.810.375	1.046.182.110.804
Các khoản phải thu dài hạn	210		46.656.459.332	77.234.482.975
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	46.656.459.332	77.181.482.975
Phải thu dài hạn khác	216		-	53.000.000
Tài sản cố định	220		24.312.057.530	72.587.746.141
Tài sản cố định hữu hình	221	13	18.715.175.506	66.280.361.819
Nguyên giá	222		66.484.414.123	430.217.930.348
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.769.238.617)	(363.937.568.529)
Tài sản cố định vô hình	227	14	5.596.882.024	6.307.384.322
Nguyên giá	228		6.099.124.701	12.528.615.791
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(502.242.677)	(6.221.231.469)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15(b)	992.653.707.286	882.653.707.286
Đầu tư vào công ty con	251		895.075.000.000	785.075.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		97.423.707.286	97.423.707.286
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		155.000.000	155.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		362.586.227	13.706.174.402
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	362.586.227	13.706.174.402
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.433.444.984.280	1.466.470.204.762

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

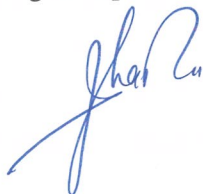
Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		81.279.518.850	121.356.734.997
Nợ ngắn hạn	310		81.249.518.850	121.326.734.997
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	12.992.442.312	37.092.530.649
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.127.560.366	960.299.083
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(b)	3.523.973.943	6.772.651.179
Phải trả người lao động	314		3.637.258.285	16.820.012.591
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		140.000.000	165.899.880
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	41.463.407.502	35.718.689.779
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	18.364.876.442	23.796.651.836
Nợ dài hạn	330		30.000.000	30.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		30.000.000	30.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.352.165.465.430	1.345.113.469.765
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.352.165.465.430	1.345.113.469.765
Vốn cổ phần	411	22	551.227.980.000	551.227.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		551.227.980.000	551.227.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	646.734.369.757	646.734.369.757
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		118.061.224.427	111.009.228.762
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		98.752.228.762	8.474.820.432
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		19.308.995.665	102.534.408.330
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.433.444.984.280	1.466.470.204.762

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Phương Thảo
Kế toán viên

Người duyệt:



Lê Thế Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

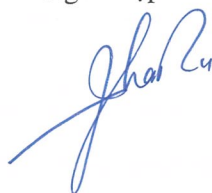
Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	57.412.252.019	294.396.895.643
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	52.218.215.737	244.513.333.494
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		5.194.036.282	49.883.562.149
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	21.264.474.490	65.588.009.249
Chi phí tài chính	22		-	7.821.152
Chi phí bán hàng	25		40.000.000	70.952.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	5.766.089.154	8.552.923.224
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		20.652.421.618	106.839.874.493
Thu nhập khác	31		-	463.636.362
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)	40		-	463.636.362
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.652.421.618	107.303.510.855
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.343.425.953	10.293.615.012
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		19.308.995.665	97.009.895.843

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Phương Thảo
Kế toán viên

Người duyệt:



Lê Thế Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	20.652.421.618	107.303.510.855
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.764.172.706	12.426.441.381
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(42.996.183)	(112.992.665)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(21.002.690.637)	(65.854.160.014)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.370.907.504	53.762.799.557
Biến động các khoản phải thu	09	63.249.456.337	(100.496.407.287)
Biến động hàng tồn kho	10	6.457.081.750	(261.784.406)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(26.358.814.181)	63.144.984.208
Biến động chi phí trả trước	12	13.343.588.175	(1.975.390.456)
		59.062.219.585	14.174.201.616
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.851.900.998)	(9.883.868.474)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.480.872.763)	(15.405.907.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.729.445.824	(11.115.574.098)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(312.850.000)	(3.851.000.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	463.636.362
Tiền chi cho vay	23	-	(13.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay	24	25.320.345.280	32.562.528.477
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(65.175.634.095)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức	27	8.759.240.472	48.984.458.468
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.408.898.343)	65.159.623.307

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả cổ tức	36	-	(75.034.397.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(75.034.397.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	15.320.547.481	(20.990.348.491)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	183.968.394.573	184.263.314.045
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	41.321.658	120.242.496
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	199.330.263.712	163.393.208.050

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Phương Thảo
Kế toán viên

Người duyệt:




Lê Thế Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 7 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2020: 6 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 15(b).

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Văn phòng Công ty Cổ phần Container Việt Nam, Xí nghiệp Cảng Viconship và Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 70 nhân viên (1/1/2020: 276 nhân viên).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đã góp vốn vào công ty con mới được thành lập là Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh (Thuyết minh 15(b)). Trong kỳ hầu hết các hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp Cảng Viconship của Công ty được chuyển giao sang công ty con mới này.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	1.662.359.290	1.722.410.743
Tiền gửi ngân hàng	41.849.062.380	98.800.211.449
Các khoản tương đương tiền	155.818.842.042	83.445.772.381
	199.330.263.712	183.968.394.573

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và khách hàng là các bên liên quan:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Khách hàng là các bên liên quan		
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	6.357.319.628	3.343.544.469
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	3.203.255.489	5.319.179.571
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	2.602.886.528	-
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	2.472.876.394	9.567.212.545
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	32.340.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	-	2.241.169.083
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	33.000.000
Khách hàng là các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần CMA - CGM Việt Nam	1.779.264.501	2.349.220.930
Công ty TNHH APL - NOL Việt Nam	976.546.242	2.659.469.077
Công ty Cổ phần Transimex	737.791.767	3.918.375.078
Cheng Lie Navigation Company - Chi nhánh của APL Co., Pte. Ltd	426.975.634	3.234.382.291
Công ty TNHH Cosco Shipping Lines Việt Nam	412.862.874	9.929.907.351
Công ty TNHH Namsung Shipping Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	-	3.243.656.785
Công ty TNHH S5 ASIA	-	2.161.725.597
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	-	1.823.386.814
Công ty Dịch vụ Hàng hải Phương Đông (Orimas)	-	1.685.807.094
Công ty TNHH KMTC Việt Nam	-	1.381.836.549
Yang Ming Marine Transport Corporation	-	1.155.106.752
Các khách hàng khác	7.046.289.078	14.272.788.496
	26.048.408.135	68.319.768.482

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu về cho vay

Phải thu về cho vay các công ty con

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (i)

- Khoản gốc cho vay

Công ty Cổ phần Container Miền Trung (ii)

- Khoản gốc cho vay

Công ty TNHH Một thành viên

Vận tải biển Ngôi sao Xanh (iii)

- Khoản gốc cho vay

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và

Phát triển Xanh (iv)

- Khoản gốc cho vay

	30/6/2020				1/1/2020		
	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Tổng cộng VND	Ngắn hạn VND	Dài hạn VND	Tổng cộng VND	
	28.544.925.898	1.000.000.000	29.544.925.898	28.544.925.898	15.272.462.949	43.817.388.847	
	3.368.421.048	9.947.368.432	13.315.789.480	3.368.421.047	11.315.789.483	14.684.210.530	
	4.040.404.044	3.686.868.677	7.727.272.721	4.040.404.044	5.707.070.699	9.747.474.743	
	25.096.296.296	32.022.222.223	57.118.518.519	19.891.617.934	44.886.159.844	64.777.777.778	
	61.050.047.286	46.656.459.332	107.706.506.618	55.845.368.923	77.181.482.975	133.026.851.898	

(i)

Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Vietcombank”) công bố cộng 0,5%/năm hoặc 1,8%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Vietcombank công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 33 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (iii) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Vietcombank công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi. Trong đó, các khoản cho vay được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 30 tháng và 54 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- (iv) Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo, hưởng lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Vietcombank công bố có hiệu lực vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của các kỳ trả lãi cộng 0,5%/năm và được hoàn trả thành nhiều lần trong vòng 48 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, thời gian ân hạn nợ gốc là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

11. Phải thu ngắn hạn khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	62.505.870.356	58.066.637.967
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.678.279.069	1.858.123.182
Các khoản chi hộ hãng tàu	1.306.383.586	15.483.939.270
Phải thu khác	4.748.458.177	16.149.865.266
	70.238.991.188	91.558.565.685

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	39.215.517.020	41.033.191.760
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	21.534.850.942	15.295.706.471
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	4.909.608.139	16.309.608.139
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	62.423.683	929.391.200
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	39.696.702	863.512.253
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	84.001.608	-
	65.846.098.094	74.431.409.823

Khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

12. Hàng tồn kho

	30/6/2020	Giá gốc
	VND	1/1/2020
		VND
Nguyên vật liệu	-	5.861.689.062
Hàng hóa	1.267.286.818	1.862.679.506
	1.267.286.818	7.724.368.568

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	165.508.764.190	24.308.334.546	238.288.264.547	2.112.567.065	430.217.930.348
Tăng trong kỳ	-	-	-	312.850.000	312.850.000
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	(143.723.960.957)	(23.873.687.546)	(195.449.394.156)	(999.323.566)	(364.046.366.225)
Số dư cuối kỳ	21.784.803.233	434.647.000	42.838.870.391	1.426.093.499	66.484.414.123

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	144.882.776.498	10.846.266.139	206.449.350.200	1.759.175.692	363.937.568.529
Khấu hao trong kỳ	475.809.624	168.999.984	2.007.738.648	73.352.208	2.725.900.464
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	(132.563.348.210)	(10.580.619.123)	(174.750.939.477)	(999.323.566)	(318.894.230.376)
Số dư cuối kỳ	12.795.237.912	434.647.000	33.706.149.371	833.204.334	47.769.238.617

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	20.625.987.692	13.462.068.407	31.838.914.347	353.391.373	66.280.361.819
Số dư cuối kỳ	8.989.565.321	-	9.132.721.020	592.889.165	18.715.175.506

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 9.236 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 265.677 triệu VND).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	5.417.853.001	7.110.762.790	12.528.615.791
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	(6.429.491.090)	(6.429.491.090)
Số dư cuối kỳ	5.417.853.001	681.271.700	6.099.124.701
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	6.221.231.469	6.221.231.469
Khấu hao trong kỳ	-	38.272.242	38.272.242
Góp vốn vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	-	(5.757.261.034)	(5.757.261.034)
Số dư cuối kỳ	-	502.242.677	502.242.677
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.417.853.001	889.531.321	6.307.384.322
Số dư cuối kỳ	5.417.853.001	179.029.023	5.596.882.024

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá 299 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 966 triệu VND).

15. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	-

Giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào:

Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển
 Ngôi sao Xanh
 Công ty Cổ phần Container Miền Trung
 Công ty TNHH Một thành viên Viconship
 Hồ Chí Minh
 Công ty TNHH Một thành viên
 Trung tâm Logistics Xanh
 Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
 Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và
 Phát triển Xanh
 Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh

Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	30/6/2020		Giá gốc (*) VND	Số lượng cổ phiếu	1/1/2020		Giá gốc (*) VND
		% sở hữu	% quyền biểu quyết			% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Hải Phòng Đà Nẵng Thành phố Hồ Chí Minh	1.982.500	100%	100%	70.000.000.000	1.982.500	100%	100%	70.000.000.000
		65%	65%	19.825.000.000		65%	65%	19.825.000.000
		100%	100%	6.000.000.000		100%	100%	6.000.000.000
Hải Phòng Hải Phòng	47.025.000	100%	100%	90.000.000.000	47.025.000	100%	100%	90.000.000.000
		74%	74%	518.850.000.000		74%	74%	518.850.000.000
Hải Phòng Hải Phòng	8.040.000	66%	66%	80.400.000.000	8.040.000	66%	66%	80.400.000.000
		100%	100%	110.000.000.000		-	-	-
				895.075.000.000				785.075.000.000
Đà Nẵng Hải Phòng Hải Phòng	1.332.000 8.820.200	31%	31%	14.430.000.000	1.332.000 8.820.200	31%	31%	14.430.000.000
		22%	22%	80.991.207.286		22%	22%	80.991.207.286
		30%	30%	2.002.500.000		30%	30%	2.002.500.000
				97.423.707.286				97.423.707.286
Thành phố Hồ Chí Minh		5%	5%	155.000.000		5%	5%	155.000.000
				992.653.707.286				882.653.707.286

Đơn vị khác

Công ty TNHH MSC Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, Công ty đã góp 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh – một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0201990244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 1 tháng 11 năm 2019. Chi tiết vốn điều lệ Công ty đã góp vào công ty con này trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020
Góp vốn bằng tiền mặt	64.175.634.095
Góp vốn bằng giá trị còn lại của tài sản cố định	45.824.365.905
	110.000.000.000

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	10.368.463.226	3.337.711.176	13.706.174.402
Tăng trong kỳ	21.809.091	195.547.400	217.356.491
Phân bổ trong kỳ	(240.364.630)	(118.164.802)	(358.529.432)
Thanh lý	(10.022.674.413)	(3.179.740.821)	(13.202.415.234)
Số dư cuối kỳ	127.233.274	235.352.953	362.586.227

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Người bán là các bên liên quan		
Các công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	5.166.238.788	-
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistics Xanh	163.162.715	2.529.856.801
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	30.028.801	336.980.001
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	-	2.275.538.200
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	-	1.051.584.600
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	-	180.890.000
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	-	12.481.898.444
Người bán là các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	3.899.478.611	3.766.984.821
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Anh Thúy	670.218.311	3.518.043.267
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	524.861.788	1.225.637.974
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	-	1.877.175.300
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Song Nguyễn	-	500.095.440
Công ty Cổ phần CMA-CGM Việt Nam	-	35.260.416
Các nhà cung cấp khác	2.538.453.298	7.312.585.385
	12.992.442.312	37.092.530.649

Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh tăng trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	12.637.462.553	4.224.616.400	(6.121.910.783)	10.740.168.170

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	255.976.154	7.766.974.615	(6.121.910.783)	(800.824.653)	1.100.215.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.888.148.307	1.343.425.953	-	(4.851.900.998)	1.379.673.262
Thuế thu nhập cá nhân	840.433.530	1.580.480.186	-	(2.037.289.932)	383.623.784
Các loại thuế khác	788.093.188	4.265.519.798	-	(4.393.151.422)	660.461.564
	6.772.651.179	14.956.400.552	(6.121.910.783)	(12.083.167.005)	3.523.973.943

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các khoản thu hộ hãng tàu	22.222.886.334	22.844.624.659
Phúc lợi cho các công ty con	8.943.726.909	1.043.700.000
Kinh phí công đoàn	1.629.474.667	1.578.351.565
Cổ tức phải trả	956.088.550	956.088.550
Phải trả khác	7.711.231.042	9.295.925.005
	41.463.407.502	35.718.689.779

(b) Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	2.047.200.000	1.043.700.000
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	843.083.030	-
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	1.153.500.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh	4.899.943.879	-
	8.943.726.909	1.043.700.000

Khoản phải trả các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	23.796.651.836	31.780.901.676
Trích lập trong kỳ	9.957.000.000	11.027.000.000
Sử dụng trong kỳ	(15.388.775.394)	(12.755.907.240)
Số dư cuối kỳ	18.364.876.442	30.051.994.436

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	501.123.040.000	36.141.891.246	646.734.369.757	147.425.216.432	1.331.424.517.435
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	97.009.895.843	97.009.895.843
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(11.027.000.000)	(11.027.000.000)
Cổ tức	50.104.940.000	-	-	(125.273.396.000)	(75.168.456.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.650.000.000)	(2.650.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2019	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	105.484.716.275	1.339.588.957.278
Số dư tại ngày 1/1/2020	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	111.009.228.762	1.345.113.469.765
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	19.308.995.665	19.308.995.665
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(9.957.000.000)	(9.957.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.300.000.000)	(2.300.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2020	551.227.980.000	36.141.891.246	646.734.369.757	118.061.224.427	1.352.165.465.430

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	55.122.798	551.227.980.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	55.122.798	551.227.980.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	55.122.798	551.227.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

23. Cổ tức

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền cho năm 2019 với giá trị 66.147 triệu VND. Theo thông báo số 83/TB-THQ ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Công ty, ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức là ngày 4 tháng 9 năm 2020 và ngày bắt đầu chi trả cổ tức là ngày 18 tháng 9 năm 2020. Do vậy, khoản cổ tức dự kiến chi trả này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	512.842.590	3.891.736.800
Trong vòng hai đến năm năm	2.051.370.360	15.566.947.200
Sau năm năm	17.046.044.663	19.142.381.707
	19.610.257.613	38.601.065.707

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	483.402	11.170.159.629	480.262	11.097.071.830

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng	32.382.881.152	32.756.769.394
Doanh thu bốc dỡ container	15.346.227	190.836.981.534
Doanh thu lưu bãi, chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	1.537.597.903	29.585.196.392
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	23.476.426.737	41.217.948.323
	57.412.252.019	294.396.895.643

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	31.310.300.072	31.557.082.145
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	20.907.915.665	212.956.251.349
	52.218.215.737	244.513.333.494

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	6.581.396.359	8.995.923.759
Cổ tức và lợi nhuận được chia	14.421.294.278	56.394.599.893
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	218.787.670	84.492.932
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.996.183	112.992.665
	21.264.474.490	65.588.009.249

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.260.884.574	4.453.056.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	826.669.376	3.532.985.180
Chi phí khác	678.535.204	566.881.416
	5.766.089.154	8.552.923.224

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	31.364.787.827	37.151.065.402
Chi phí nhân viên	8.774.375.568	28.481.979.388
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.764.172.706	12.426.441.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.085.484.813	160.569.280.708
Chi phí khác	1.035.483.977	14.508.442.368

31. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.652.421.618	107.303.510.855
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.130.484.324	21.460.702.171
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	93.926.415	95.643.691
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(2.884.258.856)	(11.278.919.979)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.274.070	16.189.129
	1.343.425.953	10.293.615.012

(b) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh</i>		
Bán hàng hóa	14.225.461.674	16.653.826.234
Cung cấp dịch vụ	1.313.623.826	1.602.461.962
Sử dụng dịch vụ	3.299.811.605	14.557.301.063
Lợi nhuận được chia từ công ty con	12.423.294.278	13.840.797.893
Nhận tiền trả gốc vay	2.020.202.022	2.965.656.567
Lãi cho vay	283.379.349	501.803.257
<i>Công ty Cổ phần Container Miền Trung</i>		
Cung cấp dịch vụ	30.950.000	10.800.000
Sử dụng dịch vụ	154.859.816	77.740.910
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	2.379.000.000
Cho vay dài hạn	-	5.000.000.000
Nhận tiền trả gốc vay	1.368.421.050	1.465.955.264
Lãi cho vay	479.825.729	203.071.024
<i>Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh</i>		
Sử dụng dịch vụ	259.751.222	453.826.171
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	690.802.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh</i>		
Bán hàng hóa	4.272.781.648	3.030.843.888
Cung cấp dịch vụ	228.000.000	334.129.290
Sử dụng dịch vụ	175.146.400	15.685.056.681
<i>Công ty Cổ phần Cảng xanh VIP</i>		
Bán hàng hóa	5.512.435.004	6.182.909.354
Cung cấp dịch vụ	4.362.000.000	7.921.432.772
Sử dụng dịch vụ	-	4.129.391.843
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	37.620.000.000
Nhận tiền trả gốc vay	14.272.462.949	20.908.694.424
Lãi cho vay	1.504.807.619	2.303.034.288

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh		
Bán hàng hóa	6.173.942.348	6.889.189.918
Cung cấp dịch vụ	-	48.460.000
Sử dụng dịch vụ	394.050.183	13.121.265.927
Cho vay dài hạn	-	8.000.000.000
Nhận tiền trả gốc vay	7.659.259.259	7.222.222.222
Lãi cho vay	2.102.281.826	2.508.665.297
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh		
Góp vốn bằng tiền	64.175.634.095	-
Góp vốn bằng giá trị còn lại của tài sản cố định	45.824.365.905	-
Bán hàng hóa	2.198.260.478	-
Cung cấp dịch vụ	168.000.000	-
Sử dụng dịch vụ	1.118.262.419	-
Thanh lý vật tư	5.861.689.062	-
Thanh lý chi phí trả trước	13.202.415.234	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		
Cung cấp dịch vụ	-	20.580.965.500
Sử dụng dịch vụ	-	53.426.862.498
Công ty Cổ phần Cảng Logistics Đà Nẵng		
Cổ tức	1.998.000.000	1.864.000.000
Công ty TNHH Tuyển Container T.S. Hà Nội		
Sử dụng dịch vụ	-	553.099.300
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.934.205.358	1.900.730.241
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thưởng	2.300.000.000	2.650.000.000

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Trả cổ tức thông qua phát hành cổ phiếu phổ thông	-	50.104.940.000
Bù trừ cổ tức được nhận và các khoản phải trả	7.984.061.889	166.158.668
Góp vốn vào công ty con bằng tài sản cố định	45.824.365.905	-

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đoàn Thị Phương Thảo
Kế toán viên

Người duyệt:



Lê Thế Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc